

**AN SINH XÃ HỘI CỦA NGƯỜI
DI CƯ TỰ DO TRỞ VỀ TỪ CAMPUCHIA
(Nghiên cứu trường hợp xã biên giới
Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An)**

NGUYỄN THỊ MINH CHÂU*

Người Việt Nam di cư tự do đến sinh sống ở khu vực Biển Hồ (Campuchia) từ giai đoạn trước những năm 1990 có đặc điểm chung là: không có việc làm ổn định, đời sống khó khăn, không có giấy tờ tùy thân... Cuộc sống bấp bênh cùng với chính sách siết chặt quản lý nhập cư trong những năm gần đây của chính phủ Campuchia đã khiến lượng người di cư này trở về Việt Nam ngày càng đông và chủ yếu sinh sống ở các xã biên giới. Sau khi trở về, họ bị thiếu hụt cả 3 trụ cột chính về an sinh xã hội: việc làm không ổn định, thu nhập thấp, không có bảo hiểm xã hội, chưa được tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản lý do là vì họ thiếu giấy tờ tùy thân, không có hộ khẩu tại địa phương. Đó là những trở ngại lớn để thực hiện giảm nghèo bền vững cho nhóm xã hội này.

Từ khóa: an sinh xã hội; di cư tự do trở về từ Campuchia; xã biên giới Tuyên Bình, Long An

Nhận bài ngày: 26/7/2017; *đưa vào biên tập:* 26/7/2017; *phản biện:* 27/7/2017; *duyet đăng:* 15/12/2017

GIỚI THIỆU

An sinh xã hội và đảm bảo an sinh xã hội là vấn đề có ý nghĩa chiến lược đối với việc phát triển bền vững của mỗi địa phương trong thời kỳ đẩy mạnh

công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Đại hội XI của Đảng đã nhấn mạnh: phát triển kinh tế nhanh, bền vững, đồng thời “thực hiện có hiệu quả tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2011: 227).

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Có thể nói bảo đảm an sinh xã hội đã trở thành vấn đề trung tâm trong chiến lược phát triển của đất nước, với mục tiêu đến năm 2020 “Ai cũng được quyền đảm bảo an sinh xã hội”, tức hệ thống an sinh xã hội sẽ bao phủ khắp toàn dân. Song, đối với một nhóm đối tượng xã hội di cư tự do từ Campuchia trở về đang sinh sống tại Việt Nam thì liệu họ có được thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội không?

Trong khuôn khổ bài viết này⁽¹⁾, tác giả đi sâu phân tích thực trạng tiếp cận an sinh xã hội của người di cư tự do trở về từ Campuchia và đang sống ở xã biên giới Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Bài viết sử dụng nguồn tư liệu khảo sát thực địa (định lượng và định tính) của đề tài cấp Nhà nước *Dân số và di dân trong phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ* (chủ nhiệm Lê Thanh Sang; chủ trì Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ 2016).

1. GIỚI THIỆU ĐỊA BÀN VÀ MẪU NGHIÊN CỨU

Vĩnh Hưng là huyện giáp biên giới Campuchia với 5 xã biên giới, thu hút khá đông Việt kiều từ Campuchia về sinh sống. Theo số liệu thống kê (đến tháng 8/2016) trên địa bàn tỉnh Long An có trên 1.500 Việt kiều từ khu vực Biển Hồ Campuchia trở về sinh sống, riêng huyện Vĩnh Hưng có 166 hộ với 700 nhân khẩu, sống rải rác ở các xã Thái Bình Trung, Khánh Hưng, Vĩnh Bình, Tuyên Bình, Hưng Điền A⁽²⁾...

Xã Tuyên Bình gồm có 5 ấp: Bình Châu, Cả Bản, Chòi Mòi, Rạch Đình và Rạch Mây. Trong đó Rạch Mây

nằm giáp ranh giữa 2 xã Vĩnh Bình và Tuyên Bình, là ấp tập trung đông người di cư tự do từ Campuchia trở về, được gọi là “Xóm Việt kiều” với tổng số 34 hộ tạm trú⁽³⁾.

Ban đầu nhóm nghiên cứu dự định khảo sát tất cả các hộ từ Campuchia trở về đang sinh sống tại ấp Rạch Mây, song thực tế chỉ khảo sát được 29/34 hộ (chiếm 85% tổng số hộ trong ấp). Phần lớn người trả lời là chủ hộ hoặc vợ chồng chủ hộ (chiếm 93,1%, trong đó, chủ yếu là vợ/chồng chủ hộ - 58,6%); 58,6% người trả lời là nữ; có trình độ học vấn rất thấp (82,8% mù chữ, 17,2% chưa tốt nghiệp tiểu học).

Đặc điểm hộ gia đình khảo sát

Trong tổng số 29 hộ với 213 nhân khẩu khảo sát, số nhân khẩu trung bình mỗi hộ là 4,1; 55,4% là nam; đa phần là người Kinh, không theo tôn giáo (63%), theo Phật giáo (30%), tỷ lệ nhỏ còn lại theo Thiên Chúa giáo và Cao Đài; tập trung ở các nhóm tuổi 30-59 tuổi (44,1%); từ 15-39 tuổi (31,9%); từ 14 tuổi trở xuống (14,6%); tỷ lệ từ 60 tuổi trở lên thấp (9,4%); 54,9% đang có vợ/chồng, 40,4% chưa kết hôn.

Trình độ học vấn thấp là đặc điểm nổi bật của những người trở về từ Campuchia, 27,2% tốt nghiệp tiểu học, 23% chưa tốt nghiệp tiểu học, 19,7% tốt nghiệp trung học cơ sở, 13,1% trên trung học phổ thông.

Đặc điểm nhân khẩu học trên cho thấy, phần lớn những người từ Campuchia trở về đang trong độ tuổi lao động và một tỷ lệ không nhỏ nằm trong độ tuổi

đến trường. Điều này đặt ra một số vấn đề cơ bản về an sinh xã hội, như lao động việc làm, giáo dục và các vấn đề liên quan khác.

2. NGƯỜI DI CƯ TỰ DO TỪ CAMPUCHIA TRỞ VỀ: THỰC TRẠNG VÀ XU HƯỚNG

Theo các tài liệu nghiên cứu lịch sử, người Việt di cư đến Campuchia từ rất sớm, ngay từ đầu thế kỷ XVII, và có đặc điểm gắn với từng thời kỳ lịch sử khác nhau. Có thể chia thành ba đặc điểm như sau: một là, nhóm người đã sinh sống ở Campuchia qua nhiều thế hệ từ trước 1975 và trở lại sau năm 1979, đa phần những người này thông thạo tiếng Khmer, có nơi ở và việc làm ổn định, được cấp chứng minh thư và có sổ hộ khẩu gia đình; hai là, những người sang lập nghiệp trong thời kỳ 1979-1990, dưới chế độ Cộng hòa Nhân dân Campuchia, phần lớn những người này được cấp giấy chứng minh thư; ba là, những người sang kiếm công ăn việc làm từ sau 1993, phần lớn không có giấy tờ tùy thân cần thiết (Nguyễn Sỹ Tuấn 2007). Hầu hết họ di cư sang Campuchia qua cửa khẩu và không có giấy tờ hợp pháp (AMC 2002: 58). Cộng đồng người Việt ở Campuchia (kể cả có giấy tờ và không có giấy tờ) gặp nhiều khó khăn với các luật, sắc lệnh về nhập cư của Chính phủ Campuchia qua các thời kỳ, khiến cho họ có thể được cấp chứng minh thư nhưng lại bị thu hồi sau đó, hoặc khó đáp ứng đủ điều kiện để có giấy tờ hợp pháp (Nguyễn Sỹ Tuấn 2012). Theo một

nghiên cứu do Tổ chức Bảo vệ dân tộc thiểu số (MIRO) công bố, năm 2014, 90% người Việt sống tại làng nổi ở tỉnh Kampong Chhnang không có giấy khai sinh, sổ hộ khẩu và chứng minh thư, mặc dù họ được sinh ra ở Campuchia. Hầu hết trong số 914 gia đình tại đây chỉ có thể di trú và giấy tạm trú chứng minh sự hiện diện của họ ở Campuchia là hợp lệ. Theo các nhà nghiên cứu, không chỉ riêng ở Kampong Chhnang mà tình trạng này khá phổ biến với người Việt ở Campuchia⁽⁴⁾.

Kết quả khảo sát 29 hộ trở về đang sinh sống tại ấp Rạch Mây, xã Tuyên Bình cho thấy: 93,1% không có giấy căn cước cá nhân; 65,5% không có đăng ký cư trú với chính quyền địa phương; 79,3% không có việc làm ổn định; 72,4% không có nhà ở, sống trên ghe. Hệ quả đối với thế hệ con cái của họ là trẻ không có giấy khai sinh (86,2%), bởi phần lớn sinh tại ghe và cha mẹ không có giấy tờ tùy thân, không thể đăng ký cư trú.

Do đó, những người Việt này luôn ở trong vòng luẩn quẩn, “*Không có giấy tờ gì hết, không có giấy khai sinh, do không có giấy nên cũng không có đăng ký kết hôn... Bên đó có đi xin làm nhưng không có giấy nên không xin được vào làm công ty*” (PVS#10).

Không việc làm ổn định, đời sống khó khăn, chưa làm được giấy tờ tùy thân (hộ khẩu, chứng minh nhân dân...) do vướng mắc trong thủ tục nhập cư... là bối cảnh chung của người Việt Nam di cư tự do đến khu vực Biển Hồ.

Cuộc sống bấp bênh, khó khăn cùng với chính sách siết chặt quản lý nhập cư của Campuchia khiến số lượng người di cư tự do từ Campuchia trở về ngày càng đông trong những năm gần đây.

Theo báo cáo của chính quyền xã Rạch Mây, dự báo lượng người di cư tự do từ Campuchia trở về, đặc biệt là từ khu vực Biển Hồ sẽ ngày càng tăng. Những năm gần đây, chính phủ Campuchia đưa ra chính sách quy hoạch phát triển, trong đó có kế hoạch cải thiện cảnh quan Biển Hồ, nên những hộ sống trên Biển Hồ phải di dời đến một nơi tái định cư tạm thời cách đó 5km, mà theo một người dân thì “*Nơi ở mới không có điện và nước sạch, xa chợ, gây khó khăn cho họ đi tiêu thụ cá đánh bắt được...*”. Điều này đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới sinh kế của các gia đình nghèo⁽⁵⁾ và là một trong những nguyên nhân dẫn đến nhiều người đã quay trở về Việt Nam và sống ở những vùng ven biên giới.

Chính sách siết chặt quản lý nhập cư của chính quyền Campuchia⁽⁶⁾ cũng là một trong những lý do dẫn đến người Việt ở Biển Hồ quay trở về Việt Nam mà không có bất cứ giấy tờ tùy thân hay tài sản có giá trị. Bởi nếu không có quốc tịch thì sẽ gặp khó khăn sau này, mà họ đa phần không có quốc tịch. “*Người Việt Nam sang Campuchia nhập quốc tịch khoảng 60 đến 70%, còn lại 30% là sinh sống tập trung tại vùng đánh bắt cá (vùng Biển Hồ); mà hiện nay thì người ta đang kiểm tra lại quốc tịch. Nếu những người không có quốc tịch thì sau này*

phải về nước thì cái lượng 30% đó sẽ về nước. Đó là cái tương lai mình phải sắp xếp chuẩn bị” (PVS đại diện lãnh đạo xã biên giới ở tỉnh Long An).

Lý do nữa khiến họ trở về là vì cuộc sống khó khăn, việc đánh bắt cá bị hạn chế. “*Về đây được 3 năm (về đầu 2012). Về do làm ăn bên đó khó. Lúc trước bên đó giăng lưới, bán café trên ghe ở Biển Hồ, sau đi thường xuyên gặp sóng gió lớn, ít cá nên về Việt Nam*” (PVS#5). Một cụ ông cho biết ông nội cụ sinh ra ở Việt Nam nhưng trôi dạt qua Biển Hồ (Campuchia). Từ đó đến nay nhiều thế hệ nhà cụ sinh ra và phiêu dạt trên Biển Hồ. Nhưng rồi nắng nóng khiến Biển Hồ khô cạn hơn, nghề đánh bắt cá liên tục mất mùa. Nhiều người gốc Việt bên Campuchia bị thu thuế đánh bắt cá, bị xử phạt vì không có giấy tờ tùy thân nên cả nhà cụ kéo về nước dựng chòi sống bám gần lòng hồ Dầu Tiếng (xã Tân Thành, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh)⁽⁷⁾.

3. THỰC TRẠNG TIẾP CẬN AN SINH XÃ HỘI CỦA NGƯỜI DI CƯ TỰ DO TRỞ VỀ TỪ CAMPUCHIA

3.1. Chính sách dành cho người di cư tự do trở về từ Campuchia tại các xã biên giới và một số vướng mắc khi thực hiện

Trong bối cảnh người Việt Nam từ Campuchia trở về ngày càng tăng, Chính phủ Việt Nam cũng như chính quyền địa phương các cấp đã ban hành một số chính sách hỗ trợ, trợ giúp đột xuất cho nhóm người này. Cụ thể:

- Kế hoạch 198/KH-BCA ngày 19/6/2014 của Bộ Công an về việc giải quyết giấy tờ pháp lý cho Việt kiều Campuchia; thành lập tổ công tác đặc biệt giải quyết thường trú cho Việt kiều Campuchia; chỉ đạo Công an các tỉnh biên giới giáp Campuchia chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành tham gia rà soát, thống kê, phân loại số hộ dân Campuchia di cư tự do về Việt Nam sinh sống; hướng dẫn họ làm thủ tục cần thiết để được cấp các giấy tờ về nhân thân, cũng như hỗ trợ, tạo mọi điều kiện cho các trường hợp này có cuộc sống ổn định.

- Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 29/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “*Đề án tổng thể đối với người dân di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam*”.

- Quyết định số 1830/QĐ-BTP triển khai tiểu đề án “*Giải quyết các vấn đề về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu và các giấy tờ tùy thân khác cho người di cư tự do từ Campuchia về nước*”, bao gồm 8 nhóm nhiệm vụ⁽⁸⁾. Tiểu đề án được triển khai trong vòng 5 năm

(2015-2020) và hằng năm các đơn vị thực hiện tiểu đề án báo cáo kết quả về Bộ Tư pháp.

Mặc dù đã có các quyết định chính sách từ cấp Nhà nước, nhưng trong thực tiễn, việc xin cấp hộ tịch hộ khẩu, giấy tờ tùy thân vẫn là một khó khăn lớn đối với các hộ di cư tự do trở về từ Campuchia, do đề án tổng thể dành cho họ chưa đi vào thực tiễn. Rào cản lớn nhất là các quy định còn chồng chéo mâu thuẫn và chưa phù hợp với thực tiễn. Điển hình là quy định phải có chỗ ở ổn định mới được đăng ký tạm trú, nhưng phần lớn những người trở về chưa có đất ở, phải ở tạm trên ghe thuyền trên sông, hoặc phải ở nhờ/thuê đất của người khác. “*Cái khó hiện nay là một số trường hợp trở về chưa có chỗ ở ổn định; sống nay đây mai đó trên sông nước nên ngành chức năng chưa có cơ sở giải quyết được vấn đề tạm trú, vì vậy ngành Tư pháp cũng chưa thể giải quyết vấn đề hộ tịch*”⁽⁹⁾. Hoặc, theo Luật Cư trú thì lưu trú 20 năm mới được nhập khẩu, đồng nghĩa với việc người trở về sẽ phải sống không có giấy tờ trong một

Bảng 1. Cơ cấu nghề nghiệp chính hiện nay của những người từ 15 tuổi trở lên của các hộ gia đình từ Campuchia trở về phân theo giới tính

	Nam	Nữ	Tính chung
Không làm việc/thất nghiệp/nội trợ	6,0	14,6	9,9
Học sinh/sinh viên/học nghề	2,0	0,0	1,1
Công nhân - thợ thủ công	2,0	2,4	2,2
Nông dân	2,0	2,4	2,2
Lao động giản đơn	88,0	80,5	84,6
<i>Tổng số người</i>	<i>50</i>	<i>41</i>	<i>91</i>

Nguồn: Lê Thanh Sang, 2016.

khoảng thời gian dài. Nhưng việc không có giấy tờ tùy thân khiến họ khó tiếp cận an sinh xã hội tại nơi đang sống.

3.2. Thực trạng người di cư trở về từ Campuchia tiếp cận với hệ thống an sinh xã hội tại nơi đang sinh sống

Hệ thống chính sách an sinh xã hội bao gồm 4 trụ cột: lao động - việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo trợ xã hội và dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và thông tin). Cũng như các bài báo, phóng sự đã nêu, kết quả nghiên cứu cho thấy, người di cư tự do từ Campuchia trở về đều thiếu hụt ở 4 trụ cột này; trong đó đáng bàn luận là 3 trụ cột chính: lao động - việc làm, đảm bảo thu nhập và giảm nghèo bền vững; bảo hiểm xã hội; và các dịch vụ xã hội cơ bản.

Về lao động - việc làm

Hầu hết những người trở về đều làm những công việc giản đơn, làm thuê làm mướn lao động phổ thông (chiếm 84,6% trong tổng số những người trở về từ 15 tuổi trở lên của các hộ gia đình) thuộc khu vực phi chính thức, như hái lục bình, đánh bắt cá, bốc vác cho một số doanh nghiệp tại địa phương... Nam thanh niên và trung niên đa số đi làm bốc vác tại kho lương thực ngay tại ấp Rạch Mây, tuy nhiên công việc không được thường xuyên; những người về lâu đã có mối quan hệ có thể đi làm thuê nông

Bảng 2. Những khó khăn về việc làm khi trở về Việt Nam

	Số lượng	Tỷ lệ %
Không thể xin được việc làm ổn định	6	20,7
Không có việc làm ổn định	10	34,5
Không có đất sản xuất	8	27,6
Không có phương tiện kiếm sống	4	13,8
Khó khăn khác	1	3,4

Nguồn: Lê Thanh Sang, 2016.

hoặc xuống sông vớt lục bình phơi khô rồi bán.

Trong 29 người trả lời bảng hỏi, có 34,5% cho biết không có việc làm ổn định; 20,7% muốn tìm việc làm ổn định nhưng không thể xin được do không có giấy tờ tùy thân. Bên cạnh đó, họ lại không có đất sản xuất, không có phương tiện kiếm sống... khiến cuộc sống càng khó khăn hơn; không có triển vọng thoát nghèo, chưa nói đến giảm nghèo bền vững.

Trẻ em phải tham gia lao động sớm là hiện tượng khá phổ biến ở những làng/xóm “Việt kiều” này. Trẻ em trong độ tuổi từ 5 - 14 tuổi đều tham gia lao động, đóng góp thu nhập cho hộ gia đình với công việc chủ yếu là bán vé số. “*Ban ngày con đi bán vé số, được khoảng 120 tờ/ngày, đi từ sáng sớm đến 5 giờ chiều về, rồi đi học bổ túc ở Đồn Biên phòng*” (PVS em NTH, 10 tuổi, con của một hộ gia đình từ Campuchia trở về, ấp Rạch Mây, xã Tuyên Bình).

Thu nhập trung bình hàng tháng của các hộ gia đình rất bấp bênh và thấp. Thu nhập bình quân nhân khẩu của các hộ gia đình là 863.000đồng/người/tháng. Nếu xét theo chuẩn

nghèo về thu nhập giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg, đây là mức thu nhập thuộc hộ cận nghèo (xét theo tiêu chí nghèo về thu nhập) và nằm trong ngưỡng hộ nghèo/cận nghèo đa chiều⁽¹⁰⁾.

Bảng 3. Thu nhập bình quân nhân khẩu của các hộ gia đình từ Campuchia trở về (ngàn đồng/người/tháng)

	Thu nhập bình quân nhân khẩu hộ gia đình (đồng/người/tháng)
Trung bình	863.000
Trung vị	833.000
Nhỏ nhất	104.000
Lớn nhất	2.229.000

Nguồn: Lê Thanh Sang, 2016.

Về bảo hiểm xã hội (BHXH): do làm việc trong lĩnh vực phi chính thức nên hầu hết những người trở về này không có BHXH bắt buộc. Về BHXH tự nguyện, mặc dù không có sổ liệu thể hiện nhưng qua quan sát và tiếp xúc cũng như qua các yếu tố khác, tác giả nhận định họ hoàn toàn không có BHXH tự nguyện. Trình độ học vấn còn thấp khiến họ chưa nhận thức được sự cần thiết của BHXH tự nguyện, nếu có nhận thức thì yếu tố kinh tế (kinh tế khó khăn) buộc họ không chi cho mục này. Tóm lại, hầu hết họ chưa quan tâm đến loại BHXH này, vì đây chưa phải là vấn đề cần ưu tiên nhất đối với những người trở về trong giai đoạn hiện nay.

Về bảo trợ xã hội

Hàng năm chính quyền và các tổ chức từ thiện có những chương trình trợ giúp vật chất cho những hộ này về

lượng thực, thực phẩm, tiền mặt. *“Thỉnh thoảng được hỗ trợ gạo, mì, tiền do nhà tài trợ hỗ trợ. Địa phương có hỗ trợ tiền vào những ngày tết hoặc ai trúng số có hỗ trợ gạo”* (PVS#14).

Kết quả khảo sát 29 hộ xóm Việt kiều, ấp Rạch Mây, cho thấy 72,4% được giúp đỡ về lương thực, thực phẩm; 44,8% được cho phép cư trú tạm thời; 55,2% trẻ được giúp đi học; 27,6% được giúp tiền mặt.

Về tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản⁽¹¹⁾

- Giáo dục trẻ em

Hầu hết trẻ em sinh tại Campuchia và theo gia đình trở về Việt Nam đều không có giấy khai sinh, không có hộ khẩu; do đó gặp khó khăn trong việc xin nhập học khi đến tuổi đi học. Trước tình hình đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 4576/BGDĐT-CTHSSV ngày 16/9/2016 về việc đảm bảo việc học tập của trẻ em Việt kiều từ Campuchia trở về Việt Nam, nhưng tại thời điểm khảo sát tháng 10/2016, số lượng trẻ đến trường học chính quy còn hạn chế; một số ít các em được gia đình quan tâm, được chính quyền địa phương hỗ trợ làm các thủ tục tạm trú để đăng ký đến trường. Còn đa số các em phải lao động phụ giúp gia đình, nên chọn hình thức vừa học vừa làm, phần lớn các em học bổ túc tại Đoàn Biên phòng từ 5 giờ chiều đến 8 giờ tối các ngày

trong tuần, còn ban ngày các em đi bán vé số.

“Hiện tại, 3 đứa con trai lớn 14, 16 và 19 tuổi đều không có giấy tờ và không đi học thì theo ông đi vắc mươn, đi chặt cây lục bình, còn 2 đứa nhỏ thì ban ngày bán vé số, ban đêm về theo học lớp bổ túc của bộ đội biên phòng. Một đứa bán tại Mộc Hóa và một đứa bán tại chợ xã. Ngày bán được vài chục ngàn. Cả nhà ngày thu nhập khoảng hơn 100.000 đồng. Do có nhà tình thương nên đỡ phần nào. Tôi thì mua lục bình và chế biến tại nhà, vợ đi bán vé số ở Vĩnh Hưng” (PVS #14).

“Học giỏi được học bổng thì cần giấy tờ, hộ khẩu chứng minh của mẹ thì con em không được học bổng. Mới đây lãnh được bằng khen nhưng mà nhà trường hỏi cần hộ khẩu chứng minh của mẹ. Cô em đứng ra lo cho con em học. Khi con đi thi giải thưởng thì cần giấy tờ. Con em càng ngày càng lớn nên rất cần giấy tờ. Năm 2012-2013 con em đang học thì về đây xã kêu làm chứng minh. Con em lên lớp 3, con người ta có tiền ăn cũng không có, mất hết quyền lợi. Chương trình 135 (học sinh gần biên giới) cũng không được nhận. Chỉ lo cho con, nhà trường cần mang hộ khẩu chứng minh nhưng mà không có” (PVS#13).

- Về y tế

Theo Quyết định số 204/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2016, xã

Tuyên Bình là một trong những xã biên giới; và theo điểm h khoản 3 điều 12 Luật Bảo hiểm y tế sửa đổi, bổ sung 2014, người sống ở xã này được ngân sách nhà nước cấp thẻ BHYT miễn phí. Tuy nhiên, chỉ có 10,3% hộ trả lời là có thẻ BHYT theo diện xã biên giới. 86,2% cho biết không thể tham gia bảo hiểm y tế

Nhiều ý kiến cho rằng họ cũng rất muốn mua BHYT để khám chữa bệnh nhưng không thể mua được do không có giấy tờ tùy thân.

“Chị có 2 người con (đứa lớn 27 tuổi và đứa nhỏ 25 tuổi). Hai đứa con sinh bên Campuchia nên cũng không có khai sinh. Từ khi về đây đến giờ thì không làm được gì hết. Thậm chí muốn mua xe thì cũng phải mượn giấy tờ của người ta để mua. Nhiều khi người ta hỏi muốn đi mua bảo hiểm không thì do không có giấy tờ nên mình cũng không mua được. Do đó bây giờ cũng không có quan tâm đến điều gì hết vì mình không có giấy tờ. Muốn mua bảo hiểm y tế để phòng hờ” (PVS#12).

- Về nhà ở

Xét theo tiêu chí nghèo đa chiều thì hầu hết người di cư tự do từ Campuchia trở về thiếu hụt về nhà ở: họ ở nhà đơn sơ, ở trên ghe nhỏ, mục nát (93% tổng mẫu khảo sát). Diện tích nhà ở bình quân nhân khẩu là 4,5m²/người, xét theo tiêu chí nghèo đa chiều thì nhỏ hơn 10m²/người ở khu vực ngoại thành.

- Về nước sạch và vệ sinh môi trường

Do sống tập trung trên ghe ở vùng sâu nên họ không có nguồn nước máy riêng của hộ, phần lớn sử dụng nguồn nước uống từ máy công cộng (75,9%); vẫn còn một số hộ sử dụng nước sông làm nguồn nước uống chính (chiếm 10%) và là nguồn nước sinh hoạt chính như nấu ăn, tắm giặt (chiếm 17,2%).

Bên cạnh đó, 69% trong tổng số mẫu khảo sát không có nhà vệ sinh, vẫn còn khá nhiều hộ dùng nhà vệ sinh cầu cá (24,1%). Rác được xử lý chủ yếu theo cách đốt/chôn lấp (chiếm 51,7%), đổ trực tiếp xuống sông/ao/hồ (44,8%).

Như vậy, xét theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020, phần lớn các hộ gia đình từ Campuchia trở về ở xã biên giới Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng đều thuộc hộ nghèo đa chiều, bởi thu nhập bình quân nhân khẩu 863.000 đồng/người/tháng và thiếu hụt ở các chiều tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản, đó là: chiều giáo dục (đa phần người lớn có trình độ học vấn thấp, mù chữ; nhiều trẻ em chưa được đến trường, một số tham gia học bổ túc tại Đồn Biên phòng); chiều y tế (đa phần không có thẻ BHYT); chiều nhà ở (nhà ở có diện tích rất nhỏ, đơn sơ); chiều nước sạch và vệ sinh môi trường (chưa có nhà vệ sinh riêng, rác thải chủ yếu đốt hoặc đổ trực tiếp xuống sông/ao/hồ). Tuy nghiên cứu này chưa đo lường được mức độ thụ hưởng chính sách an sinh xã hội, chỉ dừng lại ở bức tranh tiếp cận an sinh xã hội của người di cư; nhưng qua đó cũng thấy một số vấn đề cần được

sớm giải quyết.

4. BÀN LUẬN

Cuộc sống của người di cư từ Campuchia trở về chưa ổn định, an sinh xã hội chưa được đảm bảo có ảnh hưởng lớn đến tình hình phát triển kinh tế, xã hội và môi trường, ngăn trở sự phát triển bền vững vùng. Vì vậy, cần thiết phải thảo luận sâu một số vấn đề như sau:

1. Rào cản về giấy tờ tùy thân, hộ khẩu làm cho người di cư tự do từ Campuchia trở về ở trong vòng lẩn tránh, rơi vào nghèo đa chiều. Mặc dù hiện nay nhiều địa phương đã có những chính sách hỗ trợ tạm thời, mang tính trước mắt, ngắn hạn dành cho trẻ em, như: tổ chức lớp học bổ túc cho trẻ em trở về; hướng dẫn tìm đến người thân để được xác nhận có thân nhân ở Việt Nam để tiến hành làm khai sinh, hỗ trợ giới thiệu đăng ký tạm trú tạm thời tạo điều kiện cho các em được đi học..., nhưng cách giải quyết này còn mang tính nhỏ lẻ, thiếu sự thống nhất và đồng bộ; cần có những hướng giải quyết căn bản hơn, tạo điều kiện thuận lợi đảm bảo an sinh xã hội toàn dân. Do đó, Chính phủ nên xem xét đây là nhóm xã hội đặc thù, phải có chính sách an sinh xã hội dành riêng cho họ mà không xét đến hộ tịch, hộ khẩu; bởi kết quả nghiên cứu trường hợp xã Tuyên Bình, Vĩnh Hưng này cũng phản ánh tình trạng chung của người di cư tự do từ Campuchia trở về.

2. Vấn đề lao động - việc làm: Lao động giản đơn, việc làm không ổn

định vừa là kết quả vừa là nguyên nhân dẫn đến nghèo đa chiều của người di cư. Do đó, nhà nước cần có chính sách lao động - việc làm tại địa phương, giải quyết lao động và phát triển kinh tế địa phương trên cơ sở nguồn vốn sẵn có của địa phương. Có thể phát triển làng nghề thủ công đan lát, đan lục bình nơi đây với nguồn lực sẵn có là lục bình và nhân lực.

3. Hạn chế tối thiểu tình trạng lao động sớm của trẻ em bằng cách tạo điều kiện, tuyên truyền, vận động trẻ đến trường trong độ tuổi đi học.

Trong “*Đề án tổng thể đối với người dân di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam*” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 29/9/2014, có bao gồm các

vấn đề an sinh xã hội và có những chính sách hỗ trợ người di cư tự do từ Campuchia trở về được tiếp cận an sinh xã hội. Tuy nhiên, nghiên cứu trường hợp cho thấy đề án này chưa đi vào thực tiễn. Hầu hết đối tượng này chưa được tiếp cận hệ thống an sinh xã hội trong vòng xoáy của các quy định, thủ tục hộ tịch, hộ khẩu. Do đó, cần có những giải pháp cụ thể thúc đẩy Đề án đi vào thực tiễn trong thời gian ngắn nhất. Giải quyết vấn đề hộ tịch, hộ khẩu, an sinh xã hội cho nhóm đối tượng xã hội này chính là giải quyết vấn đề giảm nghèo bền vững, đảm bảo sự hài hòa giữa phát triển kinh tế, xã hội, môi trường trong phát triển bền vững của vùng biên giới Tây Nam Bộ. □

CHÚ THÍCH

(1) Bài viết là một phần kết quả của đề tài cấp Nhà nước *Dân số và di dân trong phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ*; chủ nhiệm: PGS.TS. Lê Thanh Sang, chủ trì: Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

(2) Theo <https://www.conganlongan.gov.vn>.

(3) Tính đến thời điểm khảo sát, ngày 4/10/2016, theo báo cáo của Lãnh đạo Ủy ban Nhân dân xã Tuyên Bình.

(4) Theo “Người Việt ở Campuchia bị buộc phải rời khỏi Biển Hồ: khó khăn chồng chất khó khăn”, <http://kygia.net/nguoi-viet-o-campuchia-bi-buoc-roi-khoi-bien-ho-kho-khan-chong-chat-kho-khan/>, truy cập ngày 5/12/2015.

(5) Dẫn lại theo <http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/nguoi-viet-5-chau/campuchia-di-doi-gan-1-000-gia-dinh-nguoi-viet-o-bien-ho-3291760.html>, truy cập ngày 7/10/2015.

(6) Theo báo cáo của Cảnh sát quốc gia Campuchia, từ đầu năm đến nay nước này đã trục xuất 1.372 người nhập cư từ 21 quốc gia, trong đó có 1.069 người Việt, <http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/nguoi-viet-5-chau/campuchia-truc-xuat-hon-1-000-nguoi-viet-trong-ba-thang-dau-nam-3371947.html>, truy cập ngày 18/3/2016.

(7) Trích dẫn lại từ bài báo “*Tâm sự rớt nước mắt của ngàn Việt kiều không quốc tịch*”, <http://dantri.com.vn/xa-hoi/tam-su-rot-nuoc-mat-cua-ngan-viet-kiem-khong-quoc-tich-20160818092716819.htm>, truy cập ngày 18/8/2016).

⁽⁸⁾ 8 nhóm nhiệm vụ là: tuyên truyền nâng cao nhận thức của người di cư tự do về pháp luật của Việt Nam liên quan đến nhập quốc tịch, đăng ký hộ tịch, hộ khẩu, nhập cảnh, xuất cảnh; rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia có quy định về quốc tịch, hộ tịch, cư trú, nhập cảnh, xuất cảnh; nghiên cứu, ban hành các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết các vấn đề quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu và các giấy tờ tùy thân khác đối với người dân di cư từ Campuchia về Việt Nam; biên soạn, hướng dẫn sử dụng mẫu rà soát, thống kê, đánh giá, phân loại danh sách theo nhóm người di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam và mẫu tờ khai; rà soát, thống kê, đánh giá, phân loại, lập danh sách theo nhóm người di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam, lập kế hoạch triển khai các biện pháp giải quyết quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu cho từng nhóm đối tượng...

⁽⁹⁾ Theo <http://baotintuc.vn/xa-hoi/ho-tro-nguoi-dan-ve-tu-campuchia-on-dinh-cuoc-song-20160820124559234.htm>), truy cập ngày 20/8/2016

⁽¹⁰⁾ Theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020, hộ nghèo ở khu vực nông thôn là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí như sau: có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 700.000 đồng/tháng; hoặc có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt từ 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên; nếu thiếu hụt dưới 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản thì sẽ là hộ cận nghèo đa chiều.

⁽¹¹⁾ Do hạn chế thông tin khảo sát, trong bài viết này, dịch vụ xã hội cơ bản chỉ được bao gồm 4 lĩnh vực: giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường (không đo lường tiếp cận thông tin).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Asian Migrant Centre Mekong Migrant Network. 2002. *Migration Needs. Issues and Responses in the Greater Mekong Subregion*.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2011. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
3. Lê Thanh Sang (chủ nhiệm đề tài). 2016. *Dân số và di dân trong phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ* (chủ trì: Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ).
4. Nguyễn Sỹ Tuấn. 2007. "Cộng đồng người Việt ở Campuchia". *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2/2007.
5. Nguyễn Sỹ Tuấn. 2012. *Một số vấn đề cơ bản về người Việt Nam ở Campuchia hiện nay*. Báo cáo đề tài cấp Bộ.